



## KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2015

Ngành: **Quản trị kinh doanh**  
 Chuyên ngành: **Quản trị quan hệ công chúng - PR**  
 Mã số ngành: **52340101**  
 Khoa: **Kinh tế**

153 tín chỉ tích lũy

| TT       | Mã học phần | Tên học phần                                     | Tính chất (bắt buộc hay tự chọn) | Số tín chỉ | Phân bổ tín chỉ |       |       |         | Đơn vị quản lý học phần | Ghi chú |
|----------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|-------|-------|---------|-------------------------|---------|
|          |             |                                                  |                                  |            | LT              | TH/TT | ĐA/MH | ĐA/KLTN |                         |         |
| Học kỳ 1 |             |                                                  |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |
| 1        | MCA064      | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | BB                               | 2          | 2               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 2        | MCA019      | Pháp luật đại cương                              | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 3        | MCA011      | Kinh tế vi mô                                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | MCA052      | Quản trị học                                     | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 5        | MCA048      | Lý thuyết tài chính - tiền tệ                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | Tổng Học kỳ 1                                    |                                  | 14         | 14              | 0     | 0     | 0       |                         |         |
| Học kỳ 2 |             |                                                  |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |
| 1        | MCA065      | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 2        | MCA022      | Tiếng Anh 1                                      | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | K.NN&VHNN               |         |
| 3        | MCA012      | Kinh tế vĩ mô                                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | MCA049      | Marketing căn bản                                | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 5        | MCA051      | Nguyên lý kế toán                                | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 6        | MCA015      | Lý thuyết xác suất thống kê                      | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | Tổng Học kỳ 2                                    |                                  | 18         | 18              | 0     | 0     | 0       |                         |         |
| Học kỳ 3 |             |                                                  |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |
| 1        | MCA028      | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | BB                               | 2          | 2               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 2        | MCA023      | Tiếng Anh 2                                      | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | K.NN&VHNN               |         |
| 3        | 1A05008     | Kinh tế lượng                                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | 1A03002     | Hành vi tổ chức                                  | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                        |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |

| TT              | Mã học phần | Tên học phần                                      | Tính chất (bắt buộc hay tự chọn) | Số tín chỉ | Phân bổ tín chỉ |          |          |          | Đơn vị quản lý học phần | Ghi chú |
|-----------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|----------|----------|----------|-------------------------|---------|
|                 |             |                                                   |                                  |            | LT              | TH/TT    | ĐA/MH    | ĐA/KLTN  |                         |         |
| 5               | MCA001      | Văn hóa các nước ASEAN                            | TC                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa GDĐC               |         |
|                 | MCA016      | Môi trường và con người                           | TC                               |            |                 |          |          |          | Khoa GDĐC               |         |
|                 | 1A03016     | Quản trị hành chính văn phòng                     | TC                               |            |                 |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 3</b>                              |                                  | <b>14</b>  | <b>14</b>       | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |         |
| <b>Học kỳ 4</b> |             |                                                   |                                  |            |                 |          |          |          |                         |         |
| 1               | MCA002      | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN                 | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa GDĐC               |         |
| 2               | MCA024      | Tiếng Anh 3                                       | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | K.NN&VHNN               |         |
| 3               | 1A03099     | Nhập môn PR                                       | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 4               | 1A03101     | Đạo đức trong PR                                  | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 5               | 1A03092     | Marketing dịch vụ                                 | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 6               | 1A03103     | Pháp luật trong quan hệ công chúng                | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 7               | 1A06029     | Thống kê ứng dụng                                 | BB                               | 3          | 1               | 2        |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 4</b>                              |                                  | <b>21</b>  | <b>19</b>       | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |         |
| <b>Học kỳ 5</b> |             |                                                   |                                  |            |                 |          |          |          |                         |         |
| 1               | 1A10052     | Tiếng Anh 4                                       | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | K.NN&VHNN               |         |
| 2               | 1A04049     | Quản trị tài chính                                | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 3               | 1A03102     | PR nội bộ và PR cộng đồng                         | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 4               | 1A03104     | Quản trị Quan hệ công chúng (PR)                  | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 5               | 1A03108     | Quản trị tổ chức sự kiện                          | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 6               | 1A03109     | Tiếng Anh chuyên ngành PR                         | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 7               | 1A03018     | Quản trị chiến lược                               | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 5</b>                              |                                  | <b>21</b>  | <b>21</b>       | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |         |
| <b>Học kỳ 6</b> |             |                                                   |                                  |            |                 |          |          |          |                         |         |
| 1               | 1A03105     | Quản lý vấn đề và xử lý rủi ro trong truyền thông | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 2               | 1A03106     | Quan hệ với báo chí                               | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 3               | 1A03107     | Lập kế hoạch PR                                   | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 4               | 1A03149     | Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh           | BB                               | 3          | 3               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
| 5               | 1A11080     | Phương pháp biên tập                              | BB                               | 2          | 2               |          |          |          | Khoa Kinh tế            |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 6</b>                              |                                  | <b>41</b>  | <b>41</b>       | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |         |

| TT       | Mã học phần | Tên học phần                                          | Tính chất<br>(bắt buộc<br>hay tự chọn) | Số tín<br>chỉ | Phân bổ tín chỉ |           |          |              | Đơn vị quản lý<br>học phần | Ghi chú |
|----------|-------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------|-----------------|-----------|----------|--------------|----------------------------|---------|
|          |             |                                                       |                                        |               | LT              | TH/<br>TT | ĐA<br>MH | ĐA/<br>KL TN |                            |         |
| Học kỳ 7 |             |                                                       |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 1        | 1A03115     | Thực tập tốt nghiệp đại học PR                        | BB                                     | 3             |                 | 3         |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 2        | MCA067      | Ứng dụng phần mềm SPSS trong xử lý dữ liệu định lượng | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                             |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 3        | 1A03110     | Xây dựng và quảng bá thương hiệu                      | TC                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          | 1A03111     | Văn hóa giao tiếp                                     | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          | 1A03037     | Truyền thông trong kinh doanh                         | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                             |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 4        | 1A03112     | Viết bài PR và thông cáo báo chí                      | TC                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          | 1A03095     | E - Marketing                                         | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          | 1A01060     | Thương mại điện tử                                    | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                             |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 5        | 1A03038     | Văn hóa doanh nghiệp                                  | TC                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          | 1A03113     | Thương hiệu và truyền thông                           | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          | 1A03114     | Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn                        | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          |             | <b>Tổng Học kỳ 7</b>                                  |                                        | <b>15</b>     | <b>12</b>       | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>     |                            |         |
| Học kỳ 8 |             |                                                       |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 1        | 1A03116     | Khóa luận tốt nghiệp đại học PR                       | BB                                     | 9             |                 |           |          | 9            | Khoa Kinh tế               |         |
|          |             | (Các học phần thay thế KL tốt nghiệp)                 |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 2        | 1A03047     | Khởi nghiệp kinh doanh                                | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 3        | 1A03117     | Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR     | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 4        | 1A03098     | Đàm phán trong kinh doanh                             | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|          |             | <b>Tổng Học kỳ 8</b>                                  |                                        | <b>9</b>      | <b>9</b>        | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>9</b>     |                            |         |

**Ghi chú:**

Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khóa là 126 (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)

Môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**